

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG THÀNH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26/7/2022

V/v: “Tranh chấp ly hôn và con chung”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH – TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Trung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Mai.

2. Bà Lê Thị Ánh Sáng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hồng Hà – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26/7/2022 tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2022/TLST – HNGĐ ngày 18/02/2022 về “Tranh chấp ly hôn và con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2022/QĐXXST– HNGĐ ngày 14/6/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 114/2022/QĐST – HNGĐ ngày 05/7/2022, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị H Thị T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp A, xã BS, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

***- Bị đơn:*** Anh Trần Việt S, sinh năm 1992.

Địa chỉ: ấp AV, xã BS, huyện LT, Đồng Nai.

Chị T có đơn xin vắng mặt; anh S vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị H Thị T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Việt S kết hôn với nhau năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau hạnh phúc. Từ năm 2020 vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên gây gổ, cãi nhau do không còn có tiếng nói chung, anh S có hành vi đánh đập chị. Từ khi mâu thuẫn, chị về sống ở nhà cha mẹ ruột. Trong thời gian sống ly tH1, hai bên cũng không quan tâm tới nhau. Nhận thấy quan hệ vợ chồng không được như trước nữa nên chị làm đơn xin Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung tên Trần Gia H2, sinh ngày 19/9/2013; Trần Gia H, sinh ngày 29/3/2018; Trần Gia H1, sinh ngày 19/08/2021. Từ khi ly hôn tới nay, ba cháu vẫn sống với chị. Sau khi ly hôn, chị xin nuôi cả 03 con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có

Về nợ chung: không có.

*\* Quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Việt S vắng mặt nên không có lời khai.*

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành có ý kiến:**

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách tố tụng, về việc xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ vụ án và thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử đều được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh S được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật bảo vệ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án chấp nhận đơn ly hôn của chị T.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 03 cháu tên Trần Gia H2, sinh ngày 19/9/2013; Trần Gia H, sinh ngày 29/3/2018; Trần Gia H1, sinh ngày 19/08/2021 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1] Về thủ tục tố tụng:**

- Thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Trần Việt S có hộ khẩu thường trú tại xã Bình An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai nên Tòa án nhân dân huyện Long Thành thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: Chị T khởi kiện xin được ly hôn với anh S và giải quyết vấn đề con chung. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Long Thành căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ là “Tranh chấp ly hôn và con chung”.

- Chị H Thị T là nguyên đơn trong vụ án có đơn xin vắng mặt khi xét xử; anh Trần Việt S là bị đơn đã được Tòa án triệu tập xét xử đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố

tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Long Thành vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

## **[2] Nội dung vụ án:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị H Thị T và anh Trần Việt S tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BS, huyện LT, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên chị T xin được ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Việt S đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời khai.

Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã tiến hành xác minh mâu thuẫn tại địa phương nhưng địa phương không biết do đương sự không trình báo.

Tuy nhiên, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Trần Việt S vẫn vắng mặt. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh S là có thật, anh S cũng không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình nữa. Do không giải quyết được mâu thuẫn nên chị T đã về nhà cha mẹ để sống từ năm 2020 tới nay. Trong quá trình sống ly thân, chị T xác định hai bên cũng không còn quan tâm đến nhau nữa. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã cố gắng động viên chị T rút đơn ly hôn để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ nhưng chị T xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn kiên quyết xin ly hôn. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H Thị T, cho chị T được ly hôn với anh Trần Việt S là phù hợp.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung tên Trần Gia H2, sinh ngày 19/9/2013; Trần Gia H, sinh ngày 29/3/2018; Trần Gia H1, sinh ngày 19/08/2021.

Từ khi ly thân tới nay, 03 cháu vẫn sống với chị T. Sau khi ly hôn, chị T xin được nuôi cả 03 cháu. Qua tham khảo ý kiến của cháu Huy thì được biết cháu Huy cũng có nguyện vọng muốn sống cùng chị T. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh S cố tình vắng mặt không có lý do. Điều này chứng tỏ anh S cũng không còn quan tâm đến 03 con của mình. Vì vậy, trong đơn khởi kiện chị T yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ/tháng/03 cháu, nhưng sau nhiều lần anh S cố tình vắng mặt, chị T đã không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nữa. Do đó, tiếp tục giao cả 03 con chung tên Trần Gia H2, Trần Gia H, Trần Gia H1 cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, tạm thời anh S không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, do chưa có ý kiến trình bày của anh S nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết. Các đương sự có quyền đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung, nợ chung bằng vụ kiện khác khi có yêu cầu.

## **[3] Về án phí HNGĐ - ST: Chị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn.**

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 203, 220, 235, 264, 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị H Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị H Thị T được ly hôn với anh Trần Việt S.

Về con chung: có 03 con chung tên Trần Gia H2, sinh ngày 19/9/2013; Trần Gia H, sinh ngày 29/3/2018; Trần Gia H1, sinh ngày 19/08/2021.

Giao cháu H2, H, H1 cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, tạm thời anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh S được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi vị trí người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí HNGĐ – ST: Chị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành theo biên lai thu số 0005279 ngày 15/02/2022.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKS ND tỉnh Đồng Nai;
- T.H.A dân sự H. Long Thành;
- VKS H. Long Thành;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu HS, VP.

**Nguyễn Đình Trung**